

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2019

Số: 224 /NQ-DMC

## NGHỊ QUYẾT

Về việc: **Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 cho Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP**

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí – CTCP (DMC);

Căn cứ Nghị quyết số 431/NQ-DKVN ngày 18/01/2019 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh (SXXD) năm 2019 của Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí –CTCP;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc DMC tại công văn số 06/BTGD-HTD ngày 25/01/2019 về việc giao/chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXXD năm 2019 cho DMC, đơn vị thành viên, các Chi nhánh và các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - DMC và căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị DMC số 213/BB-DMC ngày 01/02/2019,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 cho Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP với nội dung như các **Phụ lục** đính kèm. Các chỉ tiêu Kế hoạch SXXD năm 2019 sẽ được Đại hội đồng cổ đông thường niên DMC năm 2019 chính thức thông qua.

**Điều 2.** Tổng giám đốc chủ động giao Kế hoạch SXXD năm 2019 cho các đơn vị thành viên, các Chi nhánh, các Ban/Văn phòng với các chỉ tiêu không thấp hơn chỉ tiêu đã được Hội đồng quản trị thông qua. Quyết định giao kế hoạch của Tổng giám đốc là cơ sở để đánh giá, xếp loại và chi trả các chế độ về lương/thưởng cuối năm đối với các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ, các Chi nhánh và Người đại diện vốn của DMC tại các đơn vị thành viên.

**Điều 3.** Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các Ban/Văn phòng/Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của DMC tại các đơn vị thành viên tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch SXXD năm 2019, tuân thủ các quy định hiện hành và Điều lệ DMC.

**Điều 4.** Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng Công ty Mẹ - DMC, Giám đốc các Chi nhánh và Người đại diện phần vốn của DMC tại các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- UV. HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Các Phó TGĐ;
- Lưu: KHĐT, TK.HĐQT, VT.



## PHỤ LỤC 1

### KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 CỦA TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP (DMC)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-DMC ngày 14 tháng 02 năm 2019  
của Hội đồng quản trị DMC)

#### I. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.
2. Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ công tác tái cấu trúc giai đoạn 2016-2020 theo phương án được Tập đoàn phê duyệt; Tập trung mở rộng ngành nghề liên quan đến hoạt động SXKD chính của đơn vị (lưu ý tránh trùng lặp với các đơn vị trong ngành); Xây dựng các đơn vị hoạt động độc lập, mô hình Công ty Mẹ gọn nhẹ.
3. Xây dựng và thực hiện phương án nâng cao năng lực cạnh tranh, hạ giá thành, tăng cường chất lượng sản phẩm/dịch vụ để có thể giữ và mở rộng thị trường đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động của DMC.
4. Kiểm soát tốt tình hình công nợ trong toàn Tổng công ty. Giám sát hàng tồn kho và có giải pháp xử lý kịp thời đảm bảo hàng tồn kho ở mức an toàn. Thực hiện tiết kiệm chi phí hiệu quả.
5. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tập trung nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế. Phát triển dòng sản phẩm mới, dịch vụ mới có hiệu quả kinh tế, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững lâu dài của DMC.
6. Mở rộng thị trường, chuyên nghiệp hóa các hoạt động kinh doanh các sản phẩm, gia tăng danh mục các sản phẩm kinh doanh mới. Tập trung cung cấp một cách ổn định các sản phẩm cho giai đoạn vận hành các Nhà máy lớn trong ngành dầu khí, tiếp tục mở rộng thị trường ngoài ngành.
7. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của DMC.
8. Thực hiện các giải pháp để bảo toàn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của DMC; Tăng cường biện pháp giám sát chặt chẽ tình hình tài chính của các đơn vị thành viên nếu kết quả kinh doanh lỗ và kiểm tra, quyết định giám sát tài chính đặc biệt đối với các đơn vị đủ điều kiện theo quy định.
9. Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ phù hợp với văn bản của Nhà nước, Tập đoàn và tình hình thực tiễn tại đơn vị...đảm bảo hiệu quả trong công tác quản trị.
10. Tiếp tục nghiên cứu các dự án sau lọc dầu, hóa dầu có quy mô phù hợp để về dài hạn thay đổi cơ cấu hoạt động SXKD ổn định hơn;
11. Tập trung sử dụng/khai thác/cho thuê tài sản đảm bảo hiệu quả, đem lại lợi ích tối đa cho DMC;
12. Duy trì hệ thống ISO 9001:2015-ISO 14001:2015 phiên bản mới.

## II. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

### 1/ Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu khối lượng	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>15.350</b>
1	Bentonite	Tấn	3.500
2	Xi măng các loại	Tấn	10.550
3	Các sản phẩm khác	Tấn	1.300

### 2/ Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.962,01
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3,17
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,17
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	77
5	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Trđ/ng/tháng	398,8

### 3/ Kế hoạch tài chính Công ty Mẹ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	680,7
	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500
	<i>Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn</i>	%	36
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.622,6
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,1
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,1
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	1,02
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,75
7	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ	%	1,6
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	38,4

Ghi chú: - Tỷ giá tạm tính năm 2019 là 23.000đồng/1USD.

**PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH NĂM 2019 CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN THUỘC  
TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP (DMC)**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 224/NQ-DMC ngày 14 tháng 02 năm 2019  
của Hội đồng quản trị DMC)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Cty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam (DMC MN)</b>	Tỷ đồng		
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	32,98	
	- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	40,00	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51,00	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	220,00	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,00	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,00	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đồng		
<b>2</b>	<b>Công ty TNHH 2 TV MI - VN</b>	Tỷ đồng		
	- Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	251,55	
	- Vốn điều lệ	Tr.USD	5,94	
	- Tỷ lệ tham gia góp vốn của Công ty mẹ	%	51,00	
	- Doanh thu	Tỷ đồng	278,00	
	- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19,70	
	- Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,40	
	- LN trích nộp về công ty mẹ	Tỷ đồng	17,60	



**PHỤ LỤC 4: CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019 THEO QUÝ CỦA TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH  
KHOAN VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ - CTCP (DMC)**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 24/NQ-DMC ngày 14 tháng 02 năm 2019  
của Hội đồng quản trị DMC)*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	2	3	4=5+6...+8	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>15.350,00</b>	<b>3.070,00</b>	<b>3.837,50</b>	<b>3.837,50</b>	<b>4.605,00</b>	
1	Bentonite	Tấn	3.500,00	700,00	875,00	875,00	1.050,00	
3	Xi măng các loại	Tấn	10.550,00	2.110,00	2.637,50	2.637,50	3.165,00	
4	Các sản phẩm khác	Tấn	1.300,00	260,00	325,00	325,00	390,00	
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ</b>							
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.497,87	1.522,19	1.506,65	1.503,52	1.497,87	
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	680,67	704,99	689,45	686,32	680,67	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đồng	500,00	500,00	500,00	500,00	500,00	
	- Tỷ lệ tham gia của TĐ	%	36,00	36,00	36,00	36,00	36,00	
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.622,60	321,00	418,85	401,25	481,50	
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1.617,53	324,61	404,38	404,38	484,15	
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,07					
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5,07					
7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	38,40	7,68	9,60	9,60	11,52	
8	Trích lập các quỹ	Tỷ đồng	3,03					
9	Cổ tức nộp Tập đoàn	Tỷ đồng	2,88					
10	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	1,60					
<b>III</b>	<b>Các chỉ tiêu khác:</b>							
1	Lao động toàn Tổng Công ty							
	- Lao động cuối kỳ toàn TCT	Người	412,00	414,00	411,00	414,00	412,00	
	- LĐ BQ trong kỳ toàn TCT	Người	410,00	411,00	410,00	409,00	409,00	
	- Thu nhập bình quân toàn TCT	Trđ/ng/th	11,00	12,00	10,00	10,00	12,00	
	- Năng suất LĐ hợp nhất (Tính theo DT hợp nhất)	Trđ/ng/th	398,78	318,25	398,78	399,76	479,71	
2	Lao động Công ty Mẹ							
	- Lao động cuối kỳ công ty Mẹ	Người	247,00	250,00	248,00	249,00	247,00	
	- LĐBQ trong kỳ công ty Mẹ	Người	245,00	247,00	246,00	245,00	245,00	
	- Thu nhập BQ công ty Mẹ	Trđ/ng/th	10,50	11,00	10,00	10,00	11,00	
	- Năng suất LĐBQ Cty mẹ (Tính theo DT Cty mẹ)	Trđ/ng/th	551,90	433,20	567,54	545,92	655,10	
3	Thực hiện đào tạo	Lượt người	497,00	29,00	232,00	201,00	35,00	
4	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	1,47	0,06	0,68	0,68	0,06	